

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/DS-ST
Ngày: 14/7/2023
“*V/v tranh chấp về Hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải
Ông Bùi Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 14/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023, về việc “*Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2023/QĐXXST-DS ngày 01/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2023/QĐST-DS ngày 27/6/2023 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1960; Địa chỉ: thị trấn M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (*Có mặt*).

2/ *Bị đơn:* Bà Châu Thị X T, sinh năm 1977; Địa chỉ: xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Thế H trình bày:

Bà Châu Thị X T có vay của ông H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo Biên nhận/kiêm giấy thế chấp xe ngày 30/5/2022, thời hạn vay 180 ngày (30/5/2022 đến ngày 26/11/2022), loại hình cho vay trả vốn và lãi theo

định kỳ hàng ngày, mục đích vay: Mua bán nhỏ. Lãi suất cho vay 20%/năm (tương ứng 1,67%/tháng); Lãi suất quá hạn chậm trả bằng (=) 30% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

- Số tiền góp hàng ngày của bà T cụ thể: tiền vốn: 20.000.000 đồng/180 ngày = 111.111 đồng (làm tròn số).

- Tiền lãi phải trả 1 ngày: 20.000.000 đồng x 3,58%/30 ngày = 23.866 đồng.

Tổng cộng 1 ngày bà T phải góp: 111.111 đồng + 23.866 đồng = 134.977 đồng (làm tròn là 135.000 đồng).

Bà T mới góp được 22 ngày (từ ngày 31/5/2022 đến 21/6/2022): 135.000 đồng x 22 ngày = 2.970.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện và tại phiên họp ngày 12/5/2023, ông H yêu cầu bà T phải trả số tiền vay cho ông H tổng cộng vốn và lãi đến ngày 12/5/2023 là 21.999.044 đồng (Hai mươi một triệu chín trăm chín mươi chín ngàn không trăm bốn mươi bốn đồng). Yêu cầu bà T thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 13/5/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất 30%/năm.

Tại phiên tòa, ông H thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bà T trả số tiền cụ thể như sau:

- Tiền vốn còn thiếu là: 111.111 đồng/ngày (làm tròn 111.000 đồng) x 158 ngày (từ ngày 22/6/2022 đến 26/11/2022) = **17.538.000 đồng**.

- Tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 27/11/2022 đến ngày xét xử 14/7/2023 = 228 ngày: 17.538.000 đồng x 0,0277% (10%/12 tháng/30 ngày) x 228 ngày = **1.107.000 đồng** (làm tròn số).

Tổng cộng vốn và lãi là: 17.538.000 đồng + 1.107.000 đồng = **18.645.000 đồng**.

Đối với chiếc xe yamaha-Nozza, biển kiểm soát 66P1-31398 do bà Châu Thị X T đứng tên thế chấp cho ông H, ông H đã trả lại cho bà T, ông H không yêu cầu xử lý trong vụ án này.

* Đối với bị đơn bà Châu Thị X T, Tòa án đã triệu tập họp lệ các văn bản tố tụng cho Bà, nhưng bà Châu Thị X T vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế H yêu cầu bà Châu Thị X T trả số tiền vay còn thiếu. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Châu Thị X T nhưng bà Châu Thị X T không có mặt tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý việc xét xử vắng mặt bà Châu Thị X T. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Châu Thị X T.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H: Quá trình giải quyết vụ án, ông H yêu cầu bà T trả cho ông H số tiền vốn và lãi là 21.999.044 đồng. Tại phiên tòa, ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tính mức lãi suất 10%/năm, nên yêu cầu bà Châu Thị X T trả số tiền vay cho ông H tổng cộng là 18.645.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của ông H không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và có lợi cho bà T, nên chấp nhận.

[2.2] Về tài liệu chứng cứ ông H xuất trình: Biên nhận ngày 30/5/2022 (bản chính), Thẻ căn cước công dân của bà Thuỷ + Giấy hộ khẩu bà Thuỷ (bản chụp in lại ra giấy A4) + Giấy chứng nhận đăng ký xe Yamaha Nozza, biển kiểm soát 66P1-31398 của bà Thuỷ (bản sao).

[2.3] Về căn cứ khởi kiện của ông H: Biên nhận ngày 30/5/2022, có chữ ký và viết họ tên bà Châu Thị X T, nội dung biên nhận thể hiện bà T có vay số tiền 20.000.000 đồng của ông H ngày 30/5/2022, thời hạn trả vốn và lãi là 6 tháng (180 ngày), hình thức trả góp gốc và lãi hàng ngày kể từ ngày ký nhận tiền.

Để đảm bảo cho số tiền vay, bà T có thể chấp xe Yamaha Nozza, biển kiểm soát 66P1-31398 do bà T đứng tên. Tuy nhiên, ông H trình bày đã trả lại xe cho bà T nên không yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Theo ông H trình bày, hai bên thỏa thuận cụ thể vốn và lãi góp như sau:

- Số tiền vốn góp hàng ngày: $20.000.000 \text{ đồng} / 180 \text{ ngày} = 111.111 \text{ đồng}$.
- Số tiền lãi trả cho 1 ngày: $20.000.000 \text{ đồng} \times 3,58\% / 30 \text{ ngày} = 23.866$

đồng.

- Tổng cộng vốn và lãi góp 1 ngày là: 111.111 đồng + 23.866 đồng = 134.977 đồng (làm tròn là 135.000 đồng).

Bà T đã góp được 20 ngày số tiền 135.000 đồng x 20 ngày = 2.970.000 đồng thì không góp nữa.

Nay ông H yêu cầu bà T trả cho ông H số tiền cụ thể:

- Tiền vốn còn thiếu là: 111.111 đồng/ngày (làm tròn 111.000 đồng) x 158 ngày (từ ngày 22/6/2022 đến 26/11/2022) = **17.538.000 đồng**.

- Tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 27/11/2022 đến ngày xét xử 14/7/2023 = 228 ngày: 17.538.000 đồng x 0,0277% (10%/12 tháng/30 ngày) x 228 ngày = **1.107.000 đồng** (làm tròn số).

Tổng cộng vốn và lãi là: 17.538.000 đồng + 1.107.000 đồng = **18.645.000 đồng**.

Đối với lãi suất chậm trả giai đoạn thi hành án, ông H cũng thống nhất yêu cầu tính theo lãi suất quy định của pháp luật là 10%/năm.

[2.5] Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của ông H là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự, Điều 5, Điều 6, điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*" nên chấp nhận.

[3] **Án phí:** Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do bà T có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 18.645.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.645.000 x 5% = 932.000 đồng (làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 6, điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao "*hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*"; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế H.

2/ Buộc bà Châu Thị X T trả cho ông Nguyễn Thế H số tiền vay tổng cộng 18.645.000 đồng (trong đó, nợ gốc 17.538.000 đồng + tiền lãi 1.107.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: bà Châu Thị X T phải chịu 932.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thế H không phải chịu án phí sơ thẩm, ông H đã được miễn tạm ứng án phí theo Thông báo số 20/TB-TA ngày 28/3/2023 nên không xử lý đối với tiền tạm ứng án phí của ông H.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng